TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG TÍN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05/7/2023
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà

Ông Dương Minh Khương

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Huyền – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín tham gia phiên tòa: Bà H Thúy Hằng- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 118/2023/TLST-HNGĐ ngày 26/5/2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXX-ST ngày 16 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Văn T-** sinh năm 1991 (*có mặt)*

Nơi đăng ký thường trú và trú tại: thôn N, xã V, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: **Chị Giang Thị L** - sinh năm 1994 *(có mặt)*

Nơi đăng ký thường trú và trú tại: thôn N, xã V, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 16/5/2023 và các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Giang Thị L về chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 06/8/2012 tại UBND xã V, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn N, xã V, huyện Thường Tín là nhà của bố mẹ đẻ anh T. Vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn thuẫn trầm trọng nhất từ tháng 6 năm 2022, vợ chồng ăn riêng, ngủ riêng, không quan hệ tình cảm từ đó cho đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, không quan tâm và không chăm sóc yêu thương nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng vợ chồng không hòa thuận. Chị L cho rằng anh có quan hệ ngoại tình về ruồng bỏ chị là không đúng. Thực tế anh yêu cầu ly hôn chị L vì bản thân không còn tình cảm với chị L, mâu thuẫn nhiều năm trước đến nay không hàn gắn được, không thể chung sống với nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Huy H sinh ngày 10/5/2013 và Nguyễn Phương A sinh ngày 31/01/2017. Anh T xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, giao cháu Phương A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T làm nông nghiệp, trồng hoa cây cảnh, thu nhập trung bình một năm là khoảng 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng Về chỗ ở thì anh đang ở cùng nhà bố mẹ đẻ tại thôn N, xã V, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng anh không tranh chấp gì về tài sản chung, nợ chung và anh T không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn là chị Giang Thị L trình bày:

Chị và anh T về chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã V, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà của bố mẹ anh T tại thôn N, xã V, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn đến khoảng tháng 11 năm 2022, chị phát hiện anh T ngoại tình, sau đó anh T hứa với chị là sẽ cắt đứt quan hệ, không liên lạc với người phụ nữ đó. Tuy nhiên đến tháng 2 năm 2023 chị phát hiện anh T vẫn tiếp tục quan hệ ngoại tình với người phụ nữ tên Oanh ở xã Hà Hồi, huyện Thường Tín. Từ thời điểm đó anh T đối xử tệ bạc với chị, không quan hệ tình cảm vợ chồng, bản thân chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không nghe. Chị nhận thấy quá trình chung sống vợ chồng chị toàn tâm lo cho gia đình chồng con chu đáo, chị không hiểu vì sao anh T lại đối xử với chị như vậy. Nay chị vẫn còn tình cảm với anh T, chị không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Huy H sinh ngày 10/5/2013 và Nguyễn Phương A sinh ngày 31/01/2017. Trường hợp anh T không quay về đoàn tụ thì chị xin trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng

nuôi con chung. Hiện chị làm giáo viên mầm non tại nhóm lớp mầm non « Hoa Mặt Trời » tại xã Chương Dương, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, thu nhập trung bình là 10.000.000 đồng/01 tháng. Bố mẹ chồng chị sẽ tạo điều kiện về chỗ ở cho chị nuôi con sau ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng chị không tranh chấp gì về tài sản chung, nợ chung và chị L không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại phiên toà:

+Anh T trình bày: Cách đây khoảng bốn hôm trước bố mẹ đẻ anh T đã đuổi anh ra khỏi nhà vì gây áp lực cho anh không được ly hôn với chị L. Anh không đồng ý và đã đưa con trai là cháu H ra ngoài thuê nhà sống riêng. Anh T vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu ly hôn, đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Huy H, giao cháu Nguyễn Phương A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không tranh chấp và không yêu cầu xem xét.

+Chị L trình bày: Chị thừa nhận bố mẹ đẻ anh T đã đuổi anh T ra khỏi nhà để gây áp lực cho anh T không được ly hôn với chị và anh T đã đưa con trai ra ngoài thuê nhà trọ sống riêng. Nguyên nhân ly hôn do anh T ngoại tình và mâu thuẫn về kinh tế vì anh T không lo toan kinh tế trong gia đình, tuy nhiên chị không có chứng cứ chứng minh nào về việc anh T ngoại tình. Chị nhận thấy tình cảm đơn phương chỉ về phía chị còn anh T đã hết tình cảm vợ chồng, không còn yêu thương chị, từ tháng 11 năm 2022 anh T cố tình xa lánh, ăn riêng, ngủ riêng, không quan hệ tình cảm vợ chồng. Chị đồng ý ly hôn với điều kiện anh T phải giao hai con chung là cháu H và cháu Phương A cho chị nuôi dưỡng, trường hợp anh T không đồng ý thì chị không đồng ý ly hôn. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không tranh chấp và không yêu cầu xem xét.

+Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín có quan điểm:

-Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; Các đương sự chấp hành đúng quyền nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

-Về nội dung: Đề nghị Tòa án bác đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T đối với chị Giang Thị L vì thực tế vợ chồng anh chị vẫn sống chung một nhà, vẫn thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ đối với các con. Qua xác minh chính quyền địa phương và gia đình anh chị thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì, bản thân chị L vẫn mong muốn quay lại đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng nuôi dạy con chung, anh T yêu cầu ly hôn nhưng

chưa đưa ra được lý do xác đáng để chứng minh mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan điểm của bị đơn, xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án là "Tranh chấp ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28- Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Giang Thị L kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06/8/2012 tại UBND xã V, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Anh T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, chị L khẳng định do anh T ngoại tình nên đối xử tệ bạc đối với chị. Thực tế chị L xác nhận anh T cố tình ruồng bỏ chị và vợ chồng không quan hệ tình cảm, sống ly thân từ tháng 11 năm 2022 đến nay. Chị L đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng chị L đến một lần tại phiên hòa giải và vắng mặt tại buổi hòa giải tiếp theo. Tại phiên tòa, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, chị L đưa ra điều kiện đồng ý ly hôn nếu anh T giao cả hai con chung cho chị nuôi dưỡng. Xét thấy, thực tế anh T và chị L vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng thời gian gần một năm, tuy sống chung một mái nhà nhưng tình cảm lạnh nhạt, ăn riêng, ngủ riêng, không quan hệ tình cảm, không yêu thương nhau, một trong các nguyên nhân các đương sự đều xác nhận là mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình. Mặt khác, chị L cũng thừa nhận mặc dù nhiều lần níu kéo nhưng anh T thực sự không còn tình cảm với chị và chị cũng không đưa ra được phương án nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy thể hiện hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, các bên không thực hiện quyền nghĩa vụ vợ chồng với nhau, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh T là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 51, 56 - Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Giang Thị L.

[3] Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín, Hội đồng xét xử nhận thấy như đã phân tích ở trên, thực tế cuộc sống vợ chồng anh T và chị L hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn đã kéo dài gần một năm nay, tình cảm đến từ một phía và không thể gượng ép. Tại phiên tòa các đương sự đều xác nhận anh T đã chấp nhận đi ra khỏi nhà vì bố mẹ đẻ gây áp lực buộc anh rút đơn ly hôn quay về chung sống với chị L nhưng anh T không đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát về việc bác đơn ly hôn của anh T đối với chị L.

[4] Về con chung: Anh T và chị L có hai con chung là cháu Nguyễn Huy H sinh ngày 10/5/2013 và Nguyễn Phương A sinh ngày 31/01/2017. Xét nguyện vọng yêu cầu xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung của các đương sự đều chính đáng. Qua ghi nhận ý kiến của cháu H có nguyện vọng muốn sống cùng anh T. Đối với cháu Phương A là con gái còn nhỏ tuổi (06 tuổi) nên giao cho chị L trực tiếp chăm sóc giáo dục là phù hợp. Do đó để đảm để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng tốt nhất đối với con, phù hợp với nguyện vọng của các con chung anh chị, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Nguyễn Huy H cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, giao cháu Nguyễn Phương A cho chị Giang Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Anh T, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

[6]Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng*:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 26- Luật thi hành án dân sự.

- Điểm a khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử*:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn T. Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Giang Thị L.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Huy H sinh ngày 10/5/2013 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; giao con chung là cháu Nguyễn Phương A sinh ngày 31/01/2017 cho chị Giang Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T, chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Anh T, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tại biên lai số AA/2020/0023342 ngày 25/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T và chị Giang Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
-TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thường Tín, TP Hà Nội;
-Chi cục THA huyện Thường Tín;
- UBND xã V, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội;
- Lưu HS vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Hiền